

TRIỂN VỌNG NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 CỦA TỈNH BẾN TRE: TRỞ THÀNH TỈNH KHÁ CỦA VÙNG VÀ CẢ NƯỚC

TRẦN NGỌC TAM *

Giai đoạn 2015 - 2020, trong bối cảnh đất nước có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen, với tinh thần thi đua “Đồng Khởi mới” và phương châm “Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết - Năng động - Đổi mới”, tỉnh Bến Tre đã nỗ lực phấn đấu đạt nhiều thành tựu quan trọng. Việc tổng kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua, xác định triển vọng năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 mang ý nghĩa chiến lược giúp Bến Tre tạo đột phá tiếp tục phát triển ở giai đoạn 2020 - 2025.

Giai đoạn 2015 - 2020: Tạo được nhiều chuyên biến tích cực

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, GRDP bình quân đạt 6,41%/năm. Trong đó, khu vực I tăng 3,92%/năm, khu vực II tăng 10,44%/năm, khu vực III tăng 6,75%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng khu vực I, khu vực II, khu vực III lần lượt là 31,8%, 19,6% và 45,7%, thuế sản phẩm chiếm 2,9%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 43,6 triệu đồng; năng suất lao động tăng bình quân 10,99%/năm, đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP khoảng 20% (giai đoạn 2010 - 2015 là 14,3%). Cụ thể:

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 11,6%/năm. Tỉnh chú trọng phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có, quy hoạch, xây dựng, đưa vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp mới, nhờ đó giá trị sản xuất công nghiệp chế biến và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao chiếm tỷ trọng lớn, đem lại giá trị sản xuất chiếm 61,8% giá trị sản xuất công nghiệp

toàn tỉnh, đạt 66,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; tỷ lệ giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao đạt đến 30%, giải quyết việc làm cho 38.000 lao động. Trong nông nghiệp, Đề án tái cơ cấu ngành gắn với phát triển chuỗi giá trị và liên kết phát triển bền vững được triển khai, hiệu quả bước đầu khá tích cực. Riêng chuỗi giá trị cây dừa đóng góp cho xuất khẩu 265 triệu USD; cây ăn quả chuyên đổi theo hướng chuyên canh gắn với phát triển du lịch miệt vườn. Thủy sản đạt tỷ trọng 53,5% trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Tỉnh đã hình thành, nhân rộng nhiều mô hình kết hợp kinh tế vườn với thủy sản. Việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quy trình sản xuất nông nghiệp, công nghiệp góp phần tạo được sản phẩm mới, năng suất cao, chất lượng bảo đảm yêu cầu tiêu chuẩn cho các thị trường khó tính, nâng cao sức cạnh tranh và giá trị gia tăng sản phẩm, góp phần thúc đẩy kinh

* Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

tế phát triển. Thương mại - dịch vụ cũng được đầu tư thích đáng. Hệ thống chợ, siêu thị được nâng cấp, mở rộng, bao phủ toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu mua sắm của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 204.274 tỷ đồng, tăng bình quân 11,8%/năm. Thị trường xuất khẩu đã mở rộng trên 126 quốc gia và vùng lãnh thổ, tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 5.074 triệu USD, trong đó tỷ trọng hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm bình quân 82,9%, tỷ lệ tăng trưởng bình quân 12,8%/năm; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 2.059,8 triệu USD, đạt 114,4%.

Cơ cấu các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất chuyên dịch theo hướng tích cực, gắn với chuỗi giá trị; kinh tế dân doanh phát triển khá nhanh, hoạt động hiệu quả. Thông qua chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), “Đồng Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp” đã thành lập mới 2.500 doanh nghiệp, 20.999 hộ kinh doanh cá thể, nâng tổng số hiện có lên 4.709 doanh nghiệp và 50.457 hộ kinh doanh, tổng vốn đăng ký đạt 6.585,4 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 107.361 người lao động.

Điểm nhấn quan trọng giúp tăng trưởng kinh tế ở giai đoạn 2015 - 2020 là tình rất chú trọng mời gọi đầu tư: Đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 1.088 triệu USD, tăng 2,36 lần; đầu tư trong nước ước đạt 68.414 tỷ đồng, tăng 4,28 lần; tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 82.941 tỷ đồng, tăng 1,43 lần so với cùng kỳ. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) được cải thiện (năm 2016 là 5,2, đến năm 2020 đạt 4,3). Cơ cấu đầu tư cân đối, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực.

Văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ có bước phát triển, an sinh xã hội được bảo đảm. Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, quy mô mạng lưới các trường học thường xuyên được đầu tư, đáp ứng nhu cầu học tập cho người dân. Để góp phần đào tạo, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương, tỉnh Bến Tre đã liên kết với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thành lập phân hiệu đặt trên địa bàn tỉnh. Trong đào tạo nghề, đã giải quyết việc làm cho 98.513 lao động, công tác xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng tính đến cuối năm 2020 là 4.961 lao động, đạt 198,44% chỉ tiêu Nghị quyết (500 lao động/năm, cả nhiệm kỳ 2.500 lao động); năng suất lao động tăng bình quân 10,99%/năm, tính theo đầu người là 138,3 triệu đồng/người/năm. Hộ nghèo giảm bình quân 1,62%/năm, hiện tại tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 4,59%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phòng chống dịch, bệnh được tập trung triển khai thực hiện tốt. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư hiện đại; chất lượng khám, điều trị được nâng lên; tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt 90,19%. Song song đó, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân cũng được cải thiện nhờ tập trung đầu tư, xây dựng đúng mức các thiết chế văn hóa và làm tốt công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, di tích lịch sử.

Hạ tầng công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông in-tơ-nét phủ khắp các xã, phường, thị trấn và đã phát huy rất hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp. Trong hoạt động khoa học - công nghệ, các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng ngày càng thiết thực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Còn đó những hạn chế

Mặc dù, giai đoạn vừa qua tỉnh Bến Tre có nhiều bước chuyển tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, song cũng tồn tại một số hạn chế nhất định, đó là:

Thứ nhất, kinh tế phát triển chưa toàn diện. Quá trình thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp qua liên kết giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm rời rạc, chưa tạo được chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực. Trong xây dựng nông thôn mới, các tiêu chí về giao thông, thu nhập người dân, môi trường, an ninh trật tự chưa đạt mục tiêu. Vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chưa được thể hiện rõ. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá, song tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn thấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, kim ngạch xuất khẩu chưa đạt như kỳ vọng; kinh tế tư nhân phát triển khá nhưng quy mô nhỏ, sức cạnh tranh thấp.

Thứ hai, hệ thống kết cấu hạ tầng còn bất cập, giao thông, thủy lợi, điện, nước chưa đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng đô thị phát triển chậm, quản lý lỏng lẻo, quy hoạch thiếu đồng bộ; công tác xây dựng hạ tầng, chỉnh trang đô thị còn hạn chế.

Thứ ba, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường thiếu chặt chẽ; các chương trình, kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu triển khai chậm; vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, sản xuất, ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp còn thấp; thiếu quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; công tác phòng, chống hạn mặn chưa kịp thời, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân.

Thứ tư, chất lượng nguồn nhân lực còn yếu và thiếu. Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giáo viên, thanh niên còn hạn chế; chất lượng đào tạo nghề chưa cao, cơ cấu lao động chuyên dịch chậm chưa tương xứng với nhu cầu thị trường lao động; trang thiết bị y tế được đầu tư, nhưng vẫn thiếu, nhất là y tế tuyến huyện và cơ sở; nguồn nhân lực y

tế, nhất là bác sĩ, quản lý ngành, nghề y tế tư nhân, được ít hơn so với nhu cầu.

Thứ năm, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu đồng bộ. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" nhiều nơi vẫn mang tính hình thức. Tinh bền vững trong công tác giảm nghèo chưa cao; đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở nông thôn vẫn khó khăn.

Những hạn chế trên tồn tại do nhiều nguyên nhân. *Về khách quan*: Nguồn vốn đầu tư phát triển thiếu; chưa đồng bộ trong liên kết vùng về hạ tầng giao thông, thủy lợi, lô-gi-stíc, xây dựng vùng nguyên liệu; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết thất thường; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; thị trường giá cả các mặt hàng nông sản không ổn định. Đặc biệt năm 2020, tác động kép của đợt hạn mặn khốc liệt, kéo dài và đại dịch COVID-19, đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội. *Về chủ quan*: Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ và chính quyền tỉnh chưa có giải pháp quyết liệt để thực hiện đồng bộ một số mục tiêu phát triển; dù đã xác định đúng, trúng thế mạnh, khâu đột phá nhưng phân bổ nguồn lực triển khai thực hiện còn bất cập, nên khó tạo sự chuyển biến có tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội; chưa cân đối, bố trí được nguồn vốn đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp cũng như việc thu hút được những tập đoàn lớn đầu tư vào tỉnh...

Quyết tâm phấn đấu trở thành tỉnh khá của vùng và cả nước

Với quan điểm phát triển nhanh theo hướng bền vững, tăng trưởng xanh, tập trung nguồn lực phát triển toàn diện kinh tế biển, mở rộng không gian phát triển tỉnh về hướng Đông, tạo đột phá, gắn với chiến lược phát triển quốc gia và vùng đồng bằng sông Cửu Long, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu; phát triển hài hòa giữa kinh tế với

văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Bến Tre đề ra mục tiêu tổng quát phát triển trong thời gian tới là: Phân đầu xây dựng Bến Tre đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển khá (tốp 6) của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước (tốp 30). Để đạt được mục tiêu trên, cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tập trung đẩy mạnh phát triển công, nông nghiệp và dịch vụ, ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kết luận số 359-KL/TU về phát triển nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới. Tổ chức lại các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở quy hoạch lại đất đai và bố trí dân cư hợp lý; tiếp tục hoàn thiện phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, gắn với xây dựng các hợp tác xã kiểu mới, hình thành hệ thống lô-gi-stíc trong nông nghiệp và liên kết vùng... Hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Bến Tre đến năm 2030; trong đó, chú trọng phát triển nông nghiệp sạch, hữu cơ, an toàn thực phẩm, nông nghiệp hiệu quả, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn. Đầu tư phát triển công nghiệp, ưu tiên công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp có tác động lan toả, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ mới, chất lượng, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao, như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, lô-gi-stíc, vận tải, bưu chính - viễn thông, tư vấn, đào tạo, y tế, kinh doanh bất động sản... Hoàn thiện và triển khai Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Bến Tre đến năm 2030, trong đó xác định du lịch là ngành kinh tế quan trọng đến năm 2025 và ngành kinh tế mũi nhọn vào năm 2030.

Hai là, phát triển các thành phần kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư; phát triển kinh doanh và khởi nghiệp. Tập trung củng

cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước chi phối, bảo đảm là công cụ điều tiết kinh tế, ngân sách và phục vụ công ích. Có chính sách phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh nhà. Phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã, hướng đến xây dựng một số hợp tác xã kiểu mẫu, đầu tàu trong việc áp dụng nông nghiệp thông minh. Đồng thời, từng bước vận động, chuyển đổi những hộ kinh doanh, hợp tác xã hoạt động hiệu quả thành doanh nghiệp; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, khoa học - công nghệ, thị trường và thủ tục hành chính thuận lợi. Triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025, Chương trình “Đông Khởi khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp”, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính gắn với nâng cao chất lượng thực hiện chính sách, pháp luật. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; tiếp tục giảm thời gian giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân,...

Ba là, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp và nông thôn mới. Đầu tư thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ lớn, nền tảng, gắn với giải quyết các yêu cầu từ thực tiễn địa phương. Tập trung xây dựng Đề án chuyển đổi số tỉnh Bến Tre, xây dựng Khu Công nghệ thông tin tập trung, tham gia vào Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung làm nền tảng phát triển kinh tế số của tỉnh.

Bốn là, phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật cơ bản đáp ứng tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bến Tre đến năm 2030 và năm 2045; thích ứng biến đổi khí hậu. *Về giao thông*, quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy; tăng cường kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và tiểu vùng duyên hải phía Đông. Đề xuất Trung ương sớm đầu tư phát triển tuyến giao thông ven biển (từ Thành phố Hồ Chí Minh qua Bến Tre đến Cà Mau); khởi động tuyến động lực ven biển (dọc Bến Tre). *Về thủy lợi, cấp - thoát nước*, tập trung hoàn chỉnh 2 hệ thống thủy lợi Nam - Bắc Bến Tre, dự án cung cấp nước sạch cho khu vực Cù lao Minh; thực hiện đồng bộ các giải pháp (công, công - tư (PPP), tư) bảo đảm nguồn nước ngọt cho sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Tiếp tục đầu tư nâng cấp các nhà máy nước, mở rộng tuyến ống nước sạch. *Về năng lượng*, tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng lưới điện trung, hạ thế để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt của dân cư. Có phương án tổng thể để giải tỏa công suất cho các dự án đầu tư năng lượng sạch trên địa bàn tỉnh. *Về hạ tầng số*, tập trung phát triển hạ tầng băng thông rộng, ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông mới trên địa bàn toàn tỉnh; phát triển hạ tầng và ứng dụng điện toán đám mây, kết nối vạn vật (IoT), tạo động lực đổi mới sáng tạo; phát triển tài nguyên dữ liệu, quản trị dữ liệu kết nối vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung. *Về phát triển đô thị*, đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, bảo đảm tầm nhìn dài hạn và theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành Tiêu dự án nâng cấp đô thị thành phố Bến Tre (WB); triển khai xây dựng đô thị loại I đối với thành phố Bến Tre, 3 đô thị loại III, 2 đô thị loại IV và hoàn thành công nhận 7 đô thị loại V.

Năm là, tăng khả năng tự cân đối ngân sách, huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đáp ứng yêu cầu vốn, kiến tạo chính sách cho phát triển. Huy động tối đa mọi nguồn lực, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị. Tạo cơ chế phát huy đa dạng các hình thức đầu tư (đối tác PPP, nhượng quyền thương mại, liên doanh góp vốn,...); thực hiện theo nguyên tắc: vốn ngân sách Nhà nước chỉ đầu tư các công trình thiết yếu, những công trình mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư, đầu tư dẫn dắt cho các dự án PPP.

Sáu là, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; quản lý tốt nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Lập, tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030 và triển khai phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, bảo đảm cân đối nguồn lực tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển năng lượng tái tạo; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, thiên tai; giám sát chất lượng môi trường, vận hành hiệu quả hệ thống quan trắc chất lượng nước và dự báo độ mặn tự động (ASWQM) tỉnh Bến Tre nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

Bảy là, tập trung đầu tư phát triển văn hóa - xã hội, trọng tâm là phát huy giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng con người Bến Tre đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Triển khai hiệu quả việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển toàn diện con người đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Khuyến khích đầu tư, phát triển giáo dục ngoài công lập và xây dựng xã hội học tập. Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực đáp ứng Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh đến năm 2030 và 2045. □